

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 - TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST
Ngày 11 tháng 7 năm 2025
V/v “*Tranh chấp không công nhận quan
hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Tình;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đỗ Thị Án;

2. Bà Mua Thị Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Hữu Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2025, tại Hội trường xét xử cơ sở 2, Tòa án nhân dân khu vực 8 - Tuyên Quang, xã Yên Minh, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 30/2025/TLST- HNGĐ ngày 11/4/2025 về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 25/6/2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Thào Mí M, sinh năm 1990; dân tộc: Mông; nghề nghiệp: Lao động tự do; số CCCD: 002***64 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ công an cấp ngày 25/6/2021; nơi cư trú: Thôn S, xã C, huyện M, tỉnh Hà Giang (nay là Thôn S, xã M, tỉnh Tuyên Quang), có mặt.

2. *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Tuyên Quang, có mặt.

3. *Bị đơn:* Chị Lù Thị D, sinh năm: 1991; Dân tộc: Mông; nơi cư trú cuối cùng trước khi biệt tích: Thôn S, xã C, huyện M, tỉnh Hà Giang (nay là Thôn S, xã M, tỉnh Tuyên Quang), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 11/4/2025 và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn Anh Thào Mí M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và Chị Lù Thị D tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 01/2010 tại thôn S, xã C, huyện M, tỉnh Hà Giang (nay là

thôn S, xã M, tỉnh Tuyên Quang) nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hòa thuận không có mâu thuẫn, anh chị đã định ngày đi đăng ký kết hôn nhưng đến tháng 7/2015, chị Lù Thị D bỏ đi biệt tích, không rõ lý do. Anh M đã báo chính quyền địa phương và tìm kiếm nhiều nơi nhưng không có tin tức của chị D. Do chị Lù Thị D bỏ đi không để lại địa chỉ, không liên hệ với gia đình nên anh M đã có đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố chị Lù Thị D mất tích. Ngày 11/9/2024, Tòa án đã giải quyết việc dân sự tuyên bố chị Lù Thị D mất tích theo Quyết định số 09/2024/QĐST-DS của Tòa án nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 8 - Tuyên Quang).

Kể từ khi có quyết định tuyên bố chị Lù Thị D mất tích đến nay anh Thào Mí M cũng không có tin tức gì của chị D ở đâu, còn sống hay đã chết, vì vậy anh M khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 8 - Tuyên Quang) yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và Chị Lù Thị D.

Về con chung: Anh xác nhận, anh và chị D có 02 con chung là cháu Thào Thị A, sinh ngày 10/10/2010 và cháu Thào Mí G, sinh ngày 17/3/2012. Khi ly hôn anh M đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con cho đến khi đủ 18 tuổi, do chị D đã mất tích, anh không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh M có đơn và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí dân sự sơ thẩm cho anh.

Đối với chị Lù Thị D, Tòa án đã có quyết định tuyên bố mất tích nên không thể triệu tập để lấy lời khai và hòa giải được. Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành thông báo, niêm yết các thủ tục tố tụng theo quy định nhưng không thấy chị D liên hệ với Tòa án.

Tại biên bản xác minh của Tòa án ngày 25/4/2025, trưởng thôn S, xã C, huyện M, tỉnh Hà Giang (nay là thôn S, xã M, tỉnh Tuyên Quang) cho biết: Anh Thào Mí M và Chị Lù Thị D chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 01/2010 tại thôn S, xã C, huyện M, tỉnh Hà Giang. Quá trình chung sống tại địa phương không có mâu thuẫn và đã định ngày đi đăng ký kết hôn, nhưng đến khoảng tháng 7/2015, chị D bỏ đi biệt tích, không rõ lý do, anh M đã báo thôn và chính quyền địa phương tìm kiếm nhiều lần nhưng không có tin tức của chị D. Năm 2024, anh M đã yêu cầu Tòa án giải quyết việc dân sự và Tòa án nhân dân huyện Yên Minh đã tuyên bố chị Lù Thị D mất tích theo quy định của pháp luật. Đến nay đã gần 10 năm nhưng không thấy chị D quay về, không có tin tức gì về chị D ở đâu, còn sống hay đã chết.

Về con chung: Trong thời gian sống chung, anh M và chị D đã có với nhau 02 con chung là cháu Thào Thị A, sinh ngày 10/10/2010 và Thào Mí G, sinh ngày 17/3/2012. Từ khi chị D mất tích đến nay anh M là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con.

Về tài sản chung: Có 01 căn nhà cấp 4, lợp Pờ lô xi măng, mới xây được khoảng 2 năm nay, ngoài ra không có tài sản gì có giá trị.

Về nợ chung: Hiện tại anh Thào Mí M có vay nợ ngân hàng chính sách xã hội số tiền khoảng 50.000.000đồng, vay mua bò giống để nuôi, thời điểm vay sau khi chị Lù Thị D đã bỏ đi.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Anh Thào Mí M và chị Lù Thị D chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, nhưng không đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung anh M và chị D không có mâu thuẫn. Tuy nhiên đến tháng 7/2015, chị Lù Thị D bỏ đi biệt tích, không rõ lý do, nay chị D đã bị Tòa án tuyên bố mất tích. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ phạm vi yêu cầu đơn khởi kiện của anh Thào Mí M, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Thào Mí M và chị Lù Thị D theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; giao hai con Thào Thị A và Thào Mí G cho anh M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi, đồng thời đề nghị miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho anh Thào Mí M.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Tuyên Quang phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp; trong quá trình thu thập chứng cứ Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ, tổng đạt, niêm yết văn bản tố tụng đúng thời hạn, đảm bảo quyền và nghĩa của đương sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã bị Tòa án tuyên bố mất tích nên Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định và đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ phạm vi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Thào Mí M: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Thào Mí M và chị Lù Thị D. Về con chung: Giao cháu Thào Thị A, Thào Mí G cho anh Thào Mí M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về tài sản, công nợ chung: Anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Đề nghị miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho anh Thào Mí M theo quy định.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Tuyên Quang và ý kiến của Trợ giúp viên bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thẩm quyền*: Nguyên đơn anh Thào Mí M yêu cầu Tòa án giải quyết Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con với chị Lù Thị D, có nơi cư trú tại thôn S, xã C, huyện M, tỉnh Hà Giang (nay là thôn S, xã M, tỉnh Tuyên Quang), mặc dù là yêu cầu giải quyết không công nhận vợ chồng nhưng mục đích và bản chất là ly hôn, chấp dứt mối quan hệ hôn nhân, đây là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Tuyên Quang theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về tố tụng*: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn chấp hành tốt các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được, do nguyên đơn anh Thào Mí M có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, đồng thời chị Lù Thị D đã bị tuyên bố mất tích nên Tòa án không tiến hành hòa giải, chỉ mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 4 Điều 207, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng: Anh Thào Mí M và chị Lù Thị D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2010 nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Như vậy việc kết hôn của anh M và chị D đã không tuân thủ theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên không có giá trị về mặt pháp lý, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định. Nay do chị Lù Thị D bỏ đi biệt tích nên anh M đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Thào Mí M và chị Lù Thị D. Hội đồng xét xử xét thấy, chị Lù Thị D đã bỏ nhà đi biệt tích 10 năm nay không có tin tức gì, mặc dù anh M và gia đình đã tìm kiếm nhiều nơi nhưng không có kết quả, đồng thời chị Lù Thị D đã bị Tòa án tuyên bố mất tích. Việc chị D bỏ đi biệt tích đến nay không liên lạc với gia đình anh M, chứng tỏ chị D đã không còn tình cảm với anh M và không còn trách nhiệm với gia đình, mục đích hôn nhân giữa anh M và chị D không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận toàn bộ phạm vi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Thào Mí M, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Thào Mí M và chị Lù Thị D theo quy định tại khoản 1 điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật.

[4] *Về con chung*: Xét thấy, từ khi chị D mất tích đến nay, Anh Thào Mí M là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu Thào Thị A, sinh ngày 10/10/2010 và cháu Thào Mí G, sinh ngày 17/3/2012, anh có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con; cháu A và cháu G cũng có nguyện vọng được ở với anh M. Hội đồng xét xử thấy rằng, để đảm bảo cho con chung của anh M, chị D được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục tốt nhất, trên cơ sở xét cả nguyện vọng cháu A, cháu G, cần giao cho anh M tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Thào Thị A và

cháu Thào Mí G cho đến đủ 18 tuổi theo quy định khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Xét việc anh M không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận sự tự nguyện của anh Thào Mí M không yêu cầu chị Lù Thị D cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] *Về tài sản, công nợ chung*: Anh Thào Mí M không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không đề cập xem xét, giải quyết.

[7] *Về án phí*: Xét thấy, anh Thào Mí M thuộc trường hợp là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn, anh đã có đơn xin miễn án phí nên cần miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho anh M theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[8] Các đề nghị của Kiểm sát viên và Trợ giúp viên tham gia phiên Tòa về việc giải quyết toàn bộ vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 207, khoản 1 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Anh Thào Mí M và Chị Lù Thị D.

2. *Về con chung*: Giao cháu Thào Thị A, sinh ngày 10/10/2010 và Thào Mí G, sinh ngày 17/3/2012 cho Anh Thào Mí M được tiếp tục, trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị Lù Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

Việc nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

3. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Anh Thào Mí M được miễn toàn bộ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho anh Thào Mí M 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003223 ngày 11/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang (nay là Thi hành án dân sự khu vực 8 - Tuyên Quang).

4. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 8 - Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Đã ký

Đặng Văn Tình